TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/DS-ST
Ngày: 04-4-2025
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn
2. Ông Lê Văn Tài

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trương Nguyễn Nhứt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 543/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Yến T, sinh năm: 1994.
Địa chỉ: 5 ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.
Chị T ủy quyền cho Nguyễn Văn T1, sinh năm 1972. Địa chỉ: 8 ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị G, sinh năm: 1967.
Địa chỉ: 1 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

(Ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bà G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 05/02/2024 chị Nguyễn Thị Yến T có cho bà Võ Thị G mượn số tiền 309.000.000 (Ba trăm lẻ chín triệu đồng) dùng vào việc đáo hạn Ngân hàng. Cùng ngày 07/02/2024 bà Võ Thị G có mượn thêm của chị T số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu đồng) mục đích giải quyết công việc cá nhân và có thế chấp cho chị T quyền sử dụng đất số CU 606872, số vào sổ cấp GCN: CH07730 do UBND huyện T cấp ngày 28/7/2020. Tổng cộng bà Võ Thị G mượn 02 lần với số tiền 609.000.000 (Sáu trăm lẻ

chín triệu đồng). Nhưng từ khi mượn tiền cho đến nay bà G không trả tiền gốc, lãi cho chị T.

Nhận thấy quyền lợi của chị T bị xâm phạm nên nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị G có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Y T 609.000.000 (Sáu trăm lẻ chín triệu đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 07/02/2024 cho đến ngày 29/10/2024 là: 08 tháng 22 ngày x 609.000.000 đồng x 0,83% = 44.142.400 đồng. Tổng cộng yêu cầu bà G trả cho chị T là 653.142.400 đồng (sáu trăm năm mươi ba triệu một trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh số tiền 609.000.000 đồng, mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 30/10/2024 đến khi giải quyết xong vụ án.

Theo bản khai, biên bản hòa giải bà Võ Thị G trình bày:

Ngày 05/02/2024, tôi có mượn của bà Nguyễn Thị Yến T số tiền là 309.000.000 đồng nhằm mục đích đáo hạn ngân hàng. Ngày 07/02/2024, tôi có mượn 300.000.000 đồng nhằm mục đích đáo hạn ngân hàng. Mục đích của việc ký lại của tờ mượn nợ ngày 07/02/2024 là nhận lại tờ giấy mượn tiền ngày 05/02/2024, tôi có nhờ ông L (giới thiệu mượn tiền của bà T) lấy dùm giấy nhưng bà T không có nhà, tôi có nhờ cậu L chuyển cho bà T trả giúp 9.000.000 đồng nên số nợ còn thiếu là 300.000.000 đồng, tôi có ký giấy mượn tiền ngày 07/02/2024 nhưng không có nhận tiền nhưng có ký gửi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị G có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 609.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/02/2024 đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng. Tạm tính đến ngày 29/10/2024 là 44.142.400 đồng. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản chính

biên nhận vay tiền ngày 05/02/2024 mượn số tiền 309.000.000 đồng và biên nhận mượn tiền ngày 07/02/2024 mượn số tiền 300.000.000 đồng.

2.2 Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra Thông báo về phiên Công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải cho ông T1, bà G để tham gia phiên công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải. Quá trình hòa giải, bà G không thừa nhận còn thiếu số tiền của 02 lần vay là 609.000.000 đồng, bà cho rằng việc ký biên nhận mượn tiền ngày 07/02/2024 là ký lại số tiền đã mượn 309.000.000 đồng vì bà đã có trả được 9.000.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi của số tiền còn nợ 300.000.000 đồng theo mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu nhưng đại diện nguyên đơn không đồng ý. Tòa án đã tống đạt cho bà G Thông báo về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của minh là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên đã hết thời hạn theo thông báo mà bà G không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh và không tham gia phiên tòa theo thời gian đã được ấn định. Do đó, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có cơ sở xác định bà Võ Thị G1 còn nợ chị Nguyễn Thị Yến T số tiền 609.000.000 đồng và buộc bà G có nghĩa vụ trả là phù hợp.

2.3 Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Bị đơn đồng ý trả tiền lãi theo mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 07/02/2024 đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Do xác định số tiền bà G còn nợ chị T đến ngày 07/02/2024 là 609.000.000 đồng, vì vậy số tiền lãi định xác định cụ thể như sau:

Từ ngày 07/02/2024 đến khi xét xử ngày 04/4/2025: Số tiền 609.000.000 đồng x 0,83% x 13 tháng 27 ngày = 70.260.000 đồng.

Từ những phân tích trên, cần buộc bà Võ Thị G có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Yến T tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 04/4/2025 là: 679.260.000 đồng là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.
- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Yến T đối với bà Võ Thị G.

Buộc bà Võ Thị G có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Yến T tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 679.260.000 (S trăm bảy mươi chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 31.170.400 (Ba mươi mốt triệu một trăm bảy mươi nghìn bốn trăm) đồng, bà Võ Thị G có nghĩa vụ nộp. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Yến T số tiền 15.063.000 (Mười lăm triệu không trăm sáu mươi ba nghìn) đồng theo biên lai số 0005983 ngày 07/11/2024.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạnh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thạnh Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí